

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TAM KỲ
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 230/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 18/7/2017

V/v tranh chấp: Xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM KỲ - TỈNH QUẢNG NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Tấn Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Thông

2/ Ông Trần Phi Tiến

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Chí Công

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Phụng – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2017 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 70/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2017 về việc “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2017/QĐXX-ST ngày 28 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Nữ Kim C, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số 47 N, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Vũ Vĩnh T, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Số 423 P, phường P, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Trần Nữ Kim C trình bày:

Chị Trần Nữ Kim C và anh Phạm Vũ Vĩnh T kết hôn năm 2010 tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam; hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung nên hiện nay đang sống ly thân. Hiện tại, chị C thấy tình cảm không thể hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Phạm Trần Thanh N, sinh ngày 20/8/2010, hiện tại con đang ở với chị C nên chị C yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

- *Tại bản tự khai, bị đơn anh Phạm Vũ Vĩnh T trình bày:*

Về hôn nhân: Anh Phạm Vũ Vĩnh T thống nhất với lời trình bày của chị C về thời gian và điều kiện kết hôn. Anh T cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm, nên xảy ra cãi vã nhưng anh cần thời gian để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nếu không hàn gắn được anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Phạm Trần Thanh N, sinh ngày 20/8/2010. Nếu ly hôn anh T đồng ý giao cho chị C nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

- *Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án và nguyên đơn đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt không có lý do là không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc xin ly hôn và nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập cho bị đơn anh Phạm Vũ Vĩnh T. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Chị Trần Nữ Kim C và anh Phạm Vũ Vĩnh T kết hôn năm 2010 tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn một thời gian thì cuộc sống vợ chồng giữa chị C và anh T phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm nên dẫn đến cãi vã, điều này được cả hai bên thừa nhận. Từ năm 2014 đến nay, chị C và anh T sống ly thân, không còn sống chung với nhau nên tình cảm ngày càng lạnh nhạt, không thể hàn gắn. Tại giấy cam đoan, anh T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do anh thiếu trách nhiệm với vợ con, anh cam kết sẽ sửa đổi để vợ chồng đoàn tụ chung sống, nếu không đoàn tụ được thì anh chấp nhận ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng các bên không đoàn tụ được. Tại phiên tòa hôm nay, chị C kiên quyết ly hôn, anh T không có mặt chứng tỏ không có ý định hàn gắn hạnh phúc gia đình. Như vậy, mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng giữa chị C và anh T đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C theo Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Về con chung: Chị C và anh T có một con chung là Phạm Trần Thanh N, sinh ngày 20/8/2010, hiện tại con chung đang ở với chị C. Chị C yêu cầu được nuôi con, tại

bản tự khai anh T cũng đồng ý giao con cho chị C nuôi dưỡng. Như vậy, giao con chung cho chị C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng tới đủ 18 tuổi, trưởng thành là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, chị C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Nữ Kim C về việc “Xin ly hôn”.

Về hôn nhân: Chị Trần Nữ Kim C ly hôn với anh Phạm Vũ Vĩnh T.

Về con chung: Giao con chung là Phạm Trần Thanh N, sinh ngày 20/8/2010 cho chị Trần Nữ Kim C nuôi dưỡng tới đủ 18 tuổi, trưởng thành. Chị Trần Nữ Kim C tự lực nuôi con chung, không yêu cầu anh Phạm Vũ Vĩnh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Án phí: Chị Trần Nữ Kim C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002602 ngày 09/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hội thẩm nhân dân

Đinh Tấn Long

Nguyễn Văn Thông

Trần Phi Tiên